

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Nhi khoa
của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 562/QĐ-KĐCLGDSG ngày 20/11/2023 về việc kiện toàn Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục; Quyết định số 305/QĐ-KĐCLGDSG ngày 05/04/2024 về việc điều chỉnh thành viên Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục; Kế hoạch số 304/KH-KĐCLGDSG ngày 05/04/2024 về việc ban hành kế hoạch tổ chức phiên họp Lần thứ 11 của Hội đồng KĐCLGD;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Nhi khoa Trường Đại học Y Dược Cần Thơ;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp Lần thứ 11 ngày 26/04/2024.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Nhi khoa Trường Đại học Y Dược Cần Thơ của đoàn Đánh giá ngoài. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Nhi khoa Trường Đại học Y Dược Cần Thơ đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Nhi khoa Trường Đại học Y Dược Cần Thơ sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 46/50 tiêu chí (chiếm 92,00%), trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Trường Đại học Y Dược Cần Thơ cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Nhi khoa (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm

Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Nhi khoa cho Trường Đại học Y Dược Cần Thơ theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐHYDCT;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Kim Dung

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH NHI KHOA
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ
 (Kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐKĐCLGD ngày 26/04/2024
 của Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
<i>Tiêu chuẩn 1</i>		3,67	2	66,67	<i>Tiêu chuẩn 7</i>		4,20	5	100
<i>Tiêu chí 1.1</i>	4				<i>Tiêu chí 7.1</i>	5			
<i>Tiêu chí 1.2</i>	3				<i>Tiêu chí 7.2</i>	4			
<i>Tiêu chí 1.3</i>	4				<i>Tiêu chí 7.3</i>	4			
<i>Tiêu chuẩn 2</i>		4,00	3	100	<i>Tiêu chí 7.4</i>	4			
<i>Tiêu chí 2.1</i>	4				<i>Tiêu chí 7.5</i>	4			
<i>Tiêu chí 2.2</i>	4				<i>Tiêu chuẩn 8</i>				
<i>Tiêu chí 2.3</i>	4				<i>Tiêu chí 8.1</i>	4			
<i>Tiêu chuẩn 3</i>		4,00	3	100	<i>Tiêu chí 8.2</i>	4			
<i>Tiêu chí 3.1</i>	4				<i>Tiêu chí 8.3</i>	4			
<i>Tiêu chí 3.2</i>	4				<i>Tiêu chí 8.4</i>	4			
<i>Tiêu chí 3.3</i>	4				<i>Tiêu chí 8.5</i>	5			
<i>Tiêu chuẩn 4</i>		4,00	3	100	<i>Tiêu chuẩn 9</i>				
<i>Tiêu chí 4.1</i>	4				<i>Tiêu chí 9.1</i>	5			
<i>Tiêu chí 4.2</i>	4				<i>Tiêu chí 9.2</i>	4			
<i>Tiêu chí 4.3</i>	4				<i>Tiêu chí 9.3</i>	5			
<i>Tiêu chuẩn 5</i>		4,00	4	80,00	<i>Tiêu chí 9.4</i>	4			
<i>Tiêu chí 5.1</i>	4				<i>Tiêu chí 9.5</i>	5			
<i>Tiêu chí 5.2</i>	4				<i>Tiêu chuẩn 10</i>				
<i>Tiêu chí 5.3</i>	3				<i>Tiêu chí 10.1</i>	4			
<i>Tiêu chí 5.4</i>	4				<i>Tiêu chí 10.2</i>	4			
<i>Tiêu chí 5.5</i>	5				<i>Tiêu chí 10.3</i>	3			
<i>Tiêu chuẩn 6</i>		4,29	7	100	<i>Tiêu chí 10.4</i>	5			
<i>Tiêu chí 6.1</i>	4				<i>Tiêu chí 10.5</i>	4			
<i>Tiêu chí 6.2</i>	4				<i>Tiêu chí 10.6</i>	4			
<i>Tiêu chí 6.3</i>	4				<i>Tiêu chuẩn 11</i>				
<i>Tiêu chí 6.4</i>	5				<i>Tiêu chí 11.1</i>	4			
<i>Tiêu chí 6.5</i>	4				<i>Tiêu chí 11.2</i>	5			
<i>Tiêu chí 6.6</i>	5				<i>Tiêu chí 11.3</i>	5			
<i>Tiêu chí 6.7</i>	4				<i>Tiêu chí 11.4</i>	5			
					<i>Tiêu chí 11.5</i>	3			
Mức trung bình					Số tiêu chí đạt		Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)		
4,16					46		92,00		

Phụ lục II
KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH NHI KHOA
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

(Kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐKĐCLGD ngày 26/04/2024
của Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục)

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Nhi khoa của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, giai đoạn 2018 - 2023 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Chương trình đào tạo được ban hành các năm trong giai đoạn đánh giá đã xác định mục tiêu đào tạo, gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, Luật Giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được rà soát và chỉnh sửa vào năm 2018, 2020, 2022. Chuẩn đầu ra có các nội dung về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm; bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt; đã phản ánh, hướng tới đạt mục tiêu đào tạo. Trong quá trình rà soát, sửa đổi chuẩn đầu ra, Trường đã lấy ý kiến các bên liên quan trong và ngoài Trường. Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo đã được công bố rộng rãi theo nhiều hình thức.

2. Bản mô tả chương trình đào tạo đã có các thông tin cần thiết như cơ sở cấp bằng, tên chương trình đào tạo, trình độ, mã ngành, tên văn bằng tốt nghiệp. Việc rà soát, cập nhật và ban hành bản mô tả chương trình đào tạo có sự tham gia của các khoa/bộ môn liên quan, nhà tuyển dụng, cơ sở thực hành, cựu người học, người học, chuyên gia đào tạo Nhi khoa. Bản mô tả chương trình đào tạo đã được công khai theo nhiều hình thức. 100% đề cương chi tiết học phần được rà soát, bổ sung, cập nhật và được công khai tới các bên liên quan.

3. Chương trình dạy học có 60 tín chỉ, được thiết kế dựa trên các yêu cầu được xác định tại chuẩn đầu ra, các học phần được bố trí hợp lý, đã xác định trình tự thực hiện. Toàn bộ học phần đều có đóng góp vào chuẩn đầu ra của chương trình dạy học. Đề cương chi tiết của mỗi học phần đã xác định các tổ hợp phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra, đánh giá. Trường tham khảo chương trình đào tạo tương ứng của một số cơ sở đào tạo trong nước và quốc tế trong quá trình rà soát, cập nhật chương trình dạy học.

4. Trường có văn bản tuyên bố chính thức triết lý giáo dục và công khai theo nhiều hình thức. Giảng viên đã áp dụng nhiều phương pháp dạy học tích cực. Các học phần chuyên ngành, chuyên đề được bố trí các hoạt động thực hành và thực hành bệnh viện phù hợp. Người học được hướng dẫn để tham gia tích cực vào các hoạt động dạy học. Đề cương học phần đã xác định các phương pháp dạy học phù hợp để giúp người học đạt được các kỹ năng nghề nghiệp thiết yếu, kỹ năng mềm và khả năng học tập suốt đời.

5. Trường ban hành các quy định, hướng dẫn thiết kế các phương pháp, công cụ kiểm tra, đánh giá, đã xây dựng kế hoạch thi. Trường ban hành các quy định, quy trình về kiểm tra, đánh giá và đã phổ biến đến toàn thể người học. Giảng viên đã sử dụng các phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá khác nhau cho đánh giá chuyên cần, thường xuyên, giữa học phần và cuối học phần. Các kỳ thi, kiểm tra được tổ chức nghiêm túc

theo quy định. Trường có quy định cụ thể về cơ chế phản hồi kết quả học tập và thực hiện nghiêm túc. Các trường hợp khiếu nại kết quả học tập và đã được xử lý kịp thời.

6. Công tác quy hoạch và phát triển đội ngũ của Khoa đáp ứng nhu cầu về đào tạo, khoa học công nghệ, phục vụ cộng đồng. Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ tham gia chương trình đào tạo tăng trong giai đoạn đánh giá. Khối lượng công việc của giảng viên được quy định chi tiết theo vị trí công tác, học hàm, học vị, chức danh nghề nghiệp với hệ số quy đổi tương ứng. Việc tuyển dụng, lựa chọn giảng viên để bổ nhiệm, điều chuyển, điều kiện dự tuyển, xét tuyển, kết quả xét tuyển được công khai theo đúng quy định. Năng lực giảng viên được đánh giá bằng bộ tiêu chí chi tiết, kết quả đánh giá công khai hằng năm. Trường, Khoa tạo điều kiện và khuyến khích giảng viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, yêu cầu chặt chẽ về định hướng nghiên cứu của giảng viên được cử đi đào tạo trong và ngoài nước. Trường, Khoa triển khai quản trị theo kết quả công việc đối với giảng viên. Các tiêu chí, quy trình đánh giá kết quả, khối lượng công việc của giảng viên được công khai, được bổ sung, cập nhật. Giảng viên đồng ý với kết quả đánh giá công việc hằng quý, hằng năm. Tỷ lệ giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học đạt 100%. Số lượng công bố quốc tế tăng trong giai đoạn đánh giá.

7. Trường đã có quy hoạch phát triển đội ngũ nhân viên theo đề án vị trí việc làm. Kế hoạch, quy trình và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển đội ngũ nhân viên được thực hiện công khai, minh bạch. Đội ngũ nhân viên phục vụ đáp ứng nhu cầu về số lượng, trình độ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ. Việc đào tạo, bồi dưỡng nhân viên được quan tâm và triển khai hằng năm. Triển khai đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên, quản trị theo kết quả công việc. Nhân viên được tham gia góp ý xây dựng các quy định của Trường.

8. Trường có đề án tuyển sinh bao gồm các chính sách và quy định tuyển sinh cụ thể đối với từng ngành đào tạo. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, được xây dựng căn cứ vào quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được cập nhật hằng năm. Hệ thống giám sát kết quả học tập, theo dõi và cảnh báo học vụ được thiết lập thông qua cán bộ quản lý lớp, vận hành tương đối hiệu quả và được kết nối tốt với người học trên phần mềm quản lý đào tạo. Khuôn viên Trường rộng rãi, có cảnh quan sư phạm sạch đẹp, các tòa nhà có kiến trúc hài hòa, các phòng làm việc có trang thiết bị đầy đủ và hệ thống phòng cháy chữa cháy đảm bảo an toàn. Môi trường làm việc và học tập lành mạnh, thân thiện và sạch đẹp.

9. Các phòng làm việc, phòng học, các phòng chức năng có đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu chung của Trường. Trường có hệ thống công nghệ thông tin hoạt động ổn định, an toàn, cung cấp và chia sẻ các dữ liệu, thông tin. Các trang thiết bị và hệ thống công nghệ thông tin đều được định kỳ duy tu, bảo dưỡng và thay mới theo quy định. Thư viện có nguồn tài liệu tham khảo bản in, bản điện tử và được cập nhật hằng năm. Trường ban hành quy định và triển khai thực hiện các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe; các quy định, nội quy về an ninh, an toàn thực phẩm, trật tự, phòng cháy chữa cháy. Khuôn viên của Trường rộng dành cho các hoạt động thể chất, y tế và hệ thống căn tin. Các lối đi và thang máy có chú ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật. Định kỳ lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về môi trường, sức khỏe và an toàn.

10. Trường có hệ thống và quy trình thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu từ các bên liên quan và khoa có sử dụng kết quả để thiết kế/phát triển chương trình dạy học. Trường/khoa có các quy định và có triển khai rà soát, đánh giá thường xuyên, có chính sách và yêu cầu cũng như một số lượng đáng kể các đề tài nghiên cứu khoa học được chuyển thành các sản phẩm phục vụ giảng dạy và học tập. Có đầy đủ các văn bản và quy định, yêu cầu rõ ràng, có định kỳ đánh giá mức độ đáp ứng và có thực hiện cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Đội ngũ bảo đảm chất lượng của Trường chuyên nghiệp, nhiệt tình và được bồi dưỡng thường xuyên.

11. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập và giám sát; có đối sánh tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp giữa các khóa học và các ngành trong khoa và Trường. Có tìm hiểu nguyên nhân người học tốt nghiệp muộn và có các giải pháp hỗ trợ người học giảm tối đa thời lượng học tập. Có bộ phận thống kê, lưu trữ và có số liệu tin cậy về tỷ lệ người học tốt nghiệp có việc làm, vị trí làm việc, mức thu nhập bình quân và đơn vị công tác. Tỷ lệ người học tốt nghiệp có việc làm và làm đúng ngành đào tạo cao. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học của người học được theo dõi, giám sát; số lượng người học tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học cùng giảng viên cao. Có thực hiện đối sánh các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học của người học trong khoa/Trường và đối sánh ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu.

Tuy nhiên, chương trình đào tạo còn những điểm tồn tại cần khắc phục (chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường và Khoa Y cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Trường/Khoa Y cần nhắc để mục tiêu đào tạo thể hiện thêm mong đợi cao hơn từ thạc sĩ ngành Nhi khoa sau khi ra Trường một khoảng thời gian. Rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Nhi khoa trình độ thạc sĩ để thể hiện được năng lực nghề nghiệp hơn bác sĩ Y khoa, thể hiện năng lực quản lý, dẫn dắt, đào tạo. Tìm hiểu lý do vì sao người học chưa quan tâm đến chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo để giải quyết nguyên nhân, đảm bảo người học có thể quan tâm, theo dõi mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trong suốt quá trình học tập.

2. Trường/Khoa Y cần bổ sung thông tin về các khóa học mà thạc sĩ Nhi khoa có thể học tiếp để phát triển nghề nghiệp. Rà soát và bổ sung, điều chỉnh mục tiêu đào tạo của học phần và các nội dung chi tiết trong các học phần, đảm bảo có đầy đủ thông tin, các nội dung hợp lý, có sự kết nối logic từ mục tiêu đến chuẩn đầu ra học phần, nội dung dạy học, phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá. Bổ sung số hiệu và ngày ban hành quyết định vào bản mô tả chương trình đào tạo được công khai trên trang thông tin điện tử cũng như các bản được lưu hành chính thức.

3. Trường/khoa cần rà soát, mô tả rõ hơn các nội dung trong phần kiểm tra, đánh giá. Trường tiếp tục rà soát bảng ma trận giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, đảm bảo sự đóng góp của các học phần với chuẩn đầu ra khoa học, hợp lý.

Hoạt động đối sánh với chương trình đào tạo của các cơ sở giáo dục khác cần đưa ra được các kết luận, các điểm có thể học tập, rút kinh nghiệm cho Trường/khoa.

4. Trường/Khoa Y cần hướng dẫn, theo dõi việc áp dụng triết lý giáo dục vào chương trình đào tạo, các hoạt động dạy học và kiểm tra, đánh giá. Cải tiến phiếu khảo sát và tăng số người tham gia trả lời câu hỏi để có thêm thông tin hữu ích cho cải tiến chất lượng. Cần có cơ chế đảm bảo giảng viên thực hiện giám sát hoạt động tự học của người học nghiêm túc.

5. Trường cần xây dựng hướng dẫn cụ thể, chi tiết hơn để đảm bảo các phương pháp kiểm tra, đánh giá sử dụng trong các học phần phù hợp và giúp đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra. Nội dung về kiểm tra, đánh giá trong các đề cương chi tiết học phần cần được rà soát, các thông tin về các đánh giá thành phần cần cụ thể. Triển khai phân tích, đánh giá độ giá trị, độ tin cậy, mức độ khó/dễ của các phương pháp kiểm tra, đánh giá và các câu hỏi thi/đề thi để điều chỉnh phù hợp với yêu cầu đo lường đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra của học phần. Tăng cường hình thức phản hồi kết quả đánh giá lý thuyết thông qua thảo luận với người học về kết quả đánh giá gợi ý các vấn đề cần được cải thiện. Cải tiến và có giải pháp để tiếp tục hạn chế trường hợp phúc khảo điểm thi và chấm nhầm điểm của người học.

6. Trường cần khảo sát những giảng viên đang đi học để có cơ sở thực hiện cơ chế đãi ngộ hiệu quả hơn. Chọn lọc các hoạt động phục vụ cộng đồng mang tính chất đặc thù, phù hợp điều kiện và phát huy được thế mạnh của giảng viên. Tiếp tục truyền thông, thu hút giảng viên có trình độ cao bằng các cơ chế ưu đãi có tính cạnh tranh cao hơn. Rà soát và tích hợp các yêu cầu trong đề án vị trí việc làm với các yêu cầu trong bộ tiêu chí đánh giá năng lực giảng viên để đảm bảo sự nhất quán về nội dung và thang đo. Tổ chức đánh giá hoạt động bồi dưỡng cho giảng viên để đảm bảo gắn kết hiệu quả với kế hoạch phát triển đội ngũ và yêu cầu phát triển chuyên môn của ngành đào tạo. Nhanh chóng hoàn thiện phần mềm để việc tự đánh giá và cung cấp minh chứng thuận lợi hơn. Rà soát cơ sở dữ liệu hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên để có biện pháp điều chỉnh các hoạt động này tương xứng với tiềm lực của đội ngũ.

7. Trường cần thể hiện chi tiết việc sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan ở vị trí việc làm của NV để căn cứ đánh giá chất lượng hoàn thành công việc theo Đề án vị trí việc làm mà Trường đã ban hành năm 2022. Cần có kế hoạch cụ thể theo kế hoạch phát triển của đơn vị và kết hoạch phát triển Trường qua các giai đoạn để thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ kiêm nhiệm công tác hành chính tại các phòng chức năng. Tăng cường tổ chức đánh giá chất lượng và hiệu quả của công tác đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên. Cần xem xét tích hợp và sử dụng hiệu quả dữ liệu đánh giá năng lực, xếp loại hàng quý của nhân viên trên phần mềm quản trị của Trường.

8. Trường cần cập nhật, điều chỉnh chính sách tuyển sinh có sự góp ý của các bên liên quan ngoài Trường như các nhà tuyển dụng, hiệp hội nghề nghiệp; và có sự phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực cụ thể hơn đối với các ngành tuyển sinh. Trường cần hoàn thiện hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập của người học. Cần tổng kết và đánh giá

hiệu quả các hoạt động đã tổ chức về tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa và các dịch vụ hỗ trợ người học gắn kết với kế hoạch phát triển của đơn vị.

9. Trường cần ban hành quy định và định kỳ khảo sát mức độ đáp ứng của hệ thống phòng học, phòng làm việc và các trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học để cải tiến chất lượng. Cần tăng số lượng tài liệu số và đầu tư cung cấp dịch vụ truy cập tài liệu số cho người đọc qua thiết bị di động (app). Định kỳ khảo sát mức độ đáp ứng và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị của phòng ngoại ngữ, phòng thực hành tin học và phòng thí nghiệm, thực hành chuyên sâu. Đầu tư nâng cấp hệ thống mạng, tăng băng thông đủ mạnh để đảm bảo hoạt động của wifi và mạng nội bộ thông suốt. Nâng cấp các hệ thống phần mềm quản lý theo hướng tập trung và liên thông dữ liệu, hỗ trợ lãnh đạo trong công tác quản lý và điều hành tương thích với xu hướng chuyển đổi số.

10. Trường cần xây dựng đầy đủ cơ chế phản hồi của các bên liên quan một cách hệ thống để đánh giá, rà soát và định kỳ cải tiến. Trường/khoa cần thu thập ý kiến phản hồi của đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp về chương trình đào tạo nhiều hơn với mẫu lớn hơn và rà soát lại toàn bộ các chuẩn đầu ra đã tuyên bố, thiết kế và sử dụng các báo cáo môn học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Việc kiểm tra, đánh giá cũng cần được rà soát để đảm bảo việc đạt được chuẩn đầu ra. Trường cần đẩy mạnh hơn nữa dự án xây dựng hệ thống số hóa cơ sở dữ liệu để tạo điều kiện cho các bên liên quan tiếp cận thông tin thuận lợi và dễ dàng hơn.

11. Khoa và bộ môn cần xác định rõ nguyên nhân ảnh hưởng đến việc thi học; đánh giá hiệu quả của các biện pháp hỗ trợ người học và có giải pháp phù hợp hơn để giúp cải thiện tỉ lệ thi học. Cần đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của người học ngành Nhi khoa với các ngành khác trong Khoa Y và Trường. Cần đối sánh loại hình và số lượng các nghiên cứu khoa học của người học ngành Nhi khoa với người học cùng ngành của trường đại học trong nước. Cần định kỳ hằng năm khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động nghiên cứu khoa học, dịch vụ hỗ trợ giảng viên và người học, và cơ sở vật chất để có đầy đủ cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo trình độ thạc sĩ; đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan thuộc chương trình đào tạo ngành Nhi khoa với chương trình đào tạo tương ứng trong và ngoài Trường, làm cơ sở cho hoạt động cải tiến chất lượng các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Nhi khoa của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn theo quy định hiện hành./.